TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:124/2026/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 21 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 58/2026/TLST- HNGĐ, ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Gia Lai, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Ksor H, sinh năm 1993

Địa chỉ: Buôn (B) Pan, xã I, tỉnh Gia Lai

-*Bị đơn:* Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Buôn (B) Pan, xã I, tỉnh Gia Lai

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 69, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Gia Lai,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Ksor H và ông Nguyễn Quang T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con:* Bà Ksor H và ông Nguyễn Quang T có 02 con chung là Ksor Nguyễn Phan Bảo M, sinh ngày 25/11/2011 và Ksor Nguyễn Phan Bảo T1, sinh ngày 03/3/2014. Các đương sự thống nhất giao các con chung cho ông Nguyễn Quang T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng kể từ ngày 13/5/2026 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn các bên được quyền thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không ai được cản trở.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

-*Về cấp dưỡng nuôi con*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

Vì lợi ích của con trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Các đương sự thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đề cập đến.

- *Về án phí:* Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng).* Toà án tiến hành hoà giải các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án thì chỉ phải chịu 50% mức án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng),* trong đó bà Ksor H phải chịu 75.000 đồng *(bảy mươi lăm nghìn đồng)* và ông Nguyễn Quang T phải chịu 75.000 đồng *(bảy mươi lăm nghìn đồng).* Bà Ksor H tự nguyện nộp toàn bộ án phí là 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* cả phần của ông Nguyễn Quang T nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp trước đây là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0001529 ngày 02 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Hoàn trả lại cho bà Ksor H 300.000 đồng - 150.000 đồng = 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* chênh lệch.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND T.Gia Lai (01 bản);
- VKSND khu vực 12 – Gia Lai (02 bản);
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- UBND xã Ia RSai (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản).

THẨM PHÁN

Lê Thị Dung